

Số: 01 /BC-CTY

Bạc Liêu, ngày 17 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO

(Chất lượng nước Tháng 12/2018)

Kính gửi: Trung tâm kiểm soát bệnh tật (trung tâm y tế dự phòng) tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ thông tư 50/2015/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2015 quy định việc kiểm tra vệ sinh, chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt của Bộ Y tế.

Nay Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu báo cáo việc kiểm tra vệ sinh, chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt tại cơ sở với các nội dung như sau:

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở cung cấp nước: Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.
2. Địa chỉ: Số 92, đường Lê Duẩn, phường 1, TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
3. Công suất thiết kế: 22.000 m³/ ngày đêm.
4. Tổng số dân được cung cấp nước: Khoảng 27.000 hộ
4. Nguồn nước nguyên liệu: Nguồn nước được khai thác từ 08 giếng khoan nằm trong nội ô thành phố Bạc Liêu sau đó được truyền tải về 2 nhà máy xử lý nước để xử lý.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. Kết quả kiểm tra tình trạng vệ sinh

1.1. Tình trạng vệ sinh nguồn nước nguyên liệu:

Công ty luôn quan tâm đến vấn đề vệ sinh khu vực xung quanh các giếng khai thác nước ngầm, khu vực nhà máy xử lý nước và đảm bảo vệ sinh. Không có nguy cơ gây ô nhiễm ảnh hưởng đến nguồn nước khai thác.

1.2. Tình trạng vệ sinh ngoại cảnh cơ sở cấp nước:

Không bị ảnh hưởng bởi các tác nhân ngoại cảnh nào trong cơ sở cung cấp nước.

1.3. Tình trạng vệ sinh hệ thống sản xuất nước :

Định kỳ hàng tháng công ty bố trí công nhân vệ sinh hệ thống bể lọc, châm Clo đúng định lượng đảm bảo hệ thống sản xuất nước hợp vệ sinh, đúng qui trình sản xuất nước, không làm ảnh hưởng gì đến các khu vực xung quanh.

2. Kết quả xét nghiệm nước thành phẩm trong tháng

2.1. Số mẫu, thời gian, tần suất xét nghiệm:

2.1.1. Số mẫu, thời gian, tần suất xét nghiệm do Công ty thực hiện:

- Nhà máy nước số 01:
- + Số mẫu: 04 mẫu;



+ Thời gian và tần suất xét nghiệm: 1 tuần /1 mẫu

- Nhà máy nước số 02:

+ Số mẫu: 04 mẫu;

+ Thời gian và tần suất xét nghiệm: 1 tuần /1 mẫu

2.1.2. Số mẫu, thời gian, tần suất xét nghiệm do Trung tâm Y tế dự phòng thực hiện:

- Nhà máy nước số 01: 01tháng/ 01 lần lấy mẫu xét nghiệm lý hóa, vi sinh.

- Nhà máy nước số 02: 01tháng/ 01 lần lấy mẫu xét nghiệm lý hóa, vi sinh.

- Tại các điểm cuối nguồn: 01 tháng/08 lần lấy mẫu xét nghiệm vi sinh.

2.2. Kết quả xét nghiệm:

- Tổng số mẫu đạt quy chuẩn QCVN 01: 2009/BYT : 05 mẫu . Tỷ lệ mẫu đạt quy chuẩn: 50 %

- Tổng số mẫu không đạt quy chuẩn: 05 mẫu

Trong đó:

+ Số mẫu không đạt về lý, hóa học: 05 mẫu (Nhà máy nước số 01)

+ Số mẫu không đạt về vi sinh vật: 0 mẫu

- Các chỉ tiêu không đạt gồm : Độ cứng tổng cộng (Nhà máy nước số 01).

Kết quả xét nghiệm độ cứng tổng cộng (TB) là **334** mg/l. Cao hơn tiêu chuẩn cho phép (tiêu chuẩn ≤ 300 mg/l). Thuộc mẫu nước đầu nguồn tại bể chứa nước sạch (nước đã qua xử lý).

3. Các biện pháp khắc phục:

Hiện nay công ty giảm thời gian khai thác của giếng nước thô có độ cứng cao tại Nhà máy nước số 1. Tuy nhiên độ cứng tại Nhà máy nước số 2 thấp hơn so với QCVN 01: 2009/BYT, đồng thời nguồn nước ngoài mạng đã được hòa màng do hệ thống mạng ống nước là mạng vòng do vậy độ cứng ngoài mạng thấp hơn so với kết quả tại nhà máy nước số 1.

4. Nhận xét :

- Chất lượng nước công ty đang cung cấp cho nhân dân thành phố Bạc Liêu cơ bản đạt với quy chuẩn QCVN 01: 2009/BYT.

- Áp lực ở mạng lưới cấp nước tại những điểm xa nhất, bất lợi nhất cũng đảm bảo.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VP CTY



TỔNG GIÁM ĐỐC

Võ Minh Trang

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH

QT03/SX/BM3

Kiểm soát lần : 312

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bạc Liêu, ngày 05 tháng 12 năm 2018

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm : Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 01, Số 92, Lê Duẩn, P1, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 05 tháng 12 năm 2018

Kiểm tra mẫu : ngày 05 tháng 12 năm 2018

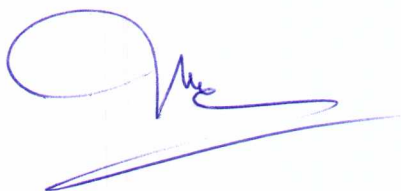
KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN QCVN 01:2009/BYT	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW - A	15 TCU	6 TCU
2	Mùi	SMEWW - A	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW - A	Không có vị lạ	Không vị lạ
4	pH	PH 100 Ph/mV-Meter	6.5 - 8.5	7.5
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW - A	≤ 300 mg/l	328 mg/l
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW - A	≤ 300 mg/l	120 mg/l
7	Chỉ số pecmanganat	SMEWW - A	≤ 2 mg/l	0.6 mg/l
8	Hàm lượng Mangan	HACH DR/900	≤ 0.3 mg/l	0.023 mg/l
9	Hàm lượng Nitrite	HACH DR/900	≤ 3 mg/l	0.214 mg/l
10	Hàm lượng Nitrate	HACH DR/900	≤ 50 mg/l	7.1 mg/l
11	Hàm lượng sulphat	HACH DR/900	≤ 250 mg/l	72 mg/l
12	Hàm lượng sắt tổng số	HACH DR/900	≤ 0.3 mg/l	0.06 mg/l
13	Độ đục	HACH 2100N	2 NTU	0.168 NTU
14	Clor dư	HACH DR/900	0.3 - 0.5 mg/l	0.39 mg/l

- Nhận xét : Mẫu có chỉ tiêu độ cứng tổng cộng cao hơn tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT.
- Ghi chú : Kết quả (Nội kiểm) chỉ có giá trị trên mẫu thử, và chỉ lưu hành trong nội bộ.

BAN GIÁM ĐỐC XN

NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM



Nguyễn Quốc Anh

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH

QT03/SX/BM3

Kiểm soát lần : 313

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bạc Liêu, ngày 10 tháng 12 năm 2018

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm : Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 01 , Số 92 , lê Duẩn, P1, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 10 tháng 12 năm 2018

Kiểm tra mẫu : ngày 10 tháng 12 năm 2018

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN QCVN 01:2009/BYT	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW- A	15 TCU	7 TCU
2	Mùi	SMEWW - A	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW - A	Không có vị lạ	Không vị lạ
4	pH	PH 100 Ph/mV-Meter	6.5 - 8.5	7.7
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW - A	≤ 300 mg/l	334 mg/l
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW - A	≤ 300 mg/l	124 mg/l
7	Chỉ số pecmanganat	SMEWW - A	≤ 2 mg/l	0.4 mg/l
8	Hàm lượng Mangan	HACH DR/900	≤ 0.3 mg/l	0.025 mg/l
9	Hàm lượng Nitrite	HACH DR/900	≤ 3 mg/l	0.193 mg/l
10	Hàm lượng Nitrate	HACH DR/900	≤ 50 mg/l	7.7 mg/l
11	Hàm lượng sulphat	HACH DR/900	≤ 250 mg/l	70 mg/l
12	Hàm lượng sắt tổng số	HACH DR/900	≤ 0.3 mg/l	0.07 mg/l
13	Độ đục	HACH 2100N	2 NTU	0.233 NTU
14	Clor dư	HACH DR/900	0.3 - 0.5 mg/l	0.4 mg/l

- Nhận xét : Mẫu có chỉ tiêu độ cứng tổng cộng cao hơn tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT.

- Ghi chú : Kết quả (Nội kiểm) chỉ có giá trị trên mẫu thử, và chỉ lưu hành trong nội bộ.

BAN GIÁM ĐỐC XN

NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM



Nguyễn Quốc Anh

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH

QT03/SX/BM3

Kiểm soát lần : 314

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bạc Liêu, ngày 20 tháng 12 năm 2018

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm : Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 01 , Số 92 , lê Duẩn, P1, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 20 tháng 12 năm 2018

Kiểm tra mẫu : ngày 20 tháng 12 năm 2018

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN QCVN 01:2009/BYT	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW- A	15 TCU	8 TCU
2	Mùi	SMEWW - A	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW - A	Không có vị lạ	Không vị lạ
4	pH	PH 100 Ph/mV-Meter	6.5 - 8.5	7.7
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW - A	≤ 300 mg/l	336 mg/l
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW - A	≤ 300 mg/l	118 mg/l
7	Chỉ số pecmanganat	SMEWW - A	≤ 2 mg/l	0.8 mg/l
8	TDS	Hanna – HI9811-5	1000 mg/l	570 mg/l
9	Độ dẫn điện	Hanna – HI9811-5	1500 μ s	1150 μ s

- Nhận xét : Mẫu có chỉ tiêu độ cứng tổng cộng cao hơn tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT.
- Ghi chú : Kết quả (Nội kiểm) chỉ có giá trị trên mẫu thử, và chỉ lưu hành trong nội bộ.

BAN GIÁM ĐỐC XN



NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM



Nguyễn Quốc Anh

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH

QT03/SX/BM3

Kiểm soát lần : 315

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bạc Liêu, ngày 27 tháng 12 năm 2018

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm : Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 01 , Số 92 , lê Duẩn, P1, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 27 tháng 12 năm 2018

Kiểm tra mẫu : ngày 27 tháng 12 năm 2018

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN QCVN 01:2009/BYT	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW- A	15 TCU	8 TCU
2	Mùi	SMEWW - A	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW - A	Không có vị lạ	Không vị lạ
4	pH	PH 100 Ph/mV-Meter	6.5 - 8.5	7.8
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW - A	≤ 300 mg/l	336 mg/l
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW - A	≤ 300 mg/l	128 mg/l
7	Chỉ số pecmanganat	SMEWW - A	≤ 2 mg/l	0.6 mg/l
8	Hàm lượng Mangan	HACH DR/900	≤ 0.3 mg/l	0.026 mg/l
9	Hàm lượng Nitrite	HACH DR/900	≤ 3 mg/l	0.213 mg/l
10	Hàm lượng Nitrate	HACH DR/900	≤ 50 mg/l	7.2 mg/l
11	Hàm lượng sulphat	HACH DR/900	≤ 250 mg/l	74 mg/l
12	Hàm lượng sắt tổng số	HACH DR/900	≤ 0.3 mg/l	0.08 mg/l
13	Độ đục	HACH 2100N	2 NTU	0.195 NTU
14	Clor dư	HACH DR/900	0.3 - 0.5 mg/l	0.32 mg/l

Nhận xét : Mẫu có chỉ tiêu độ cứng tổng cộng cao hơn tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT.

Ghi chú : Kết quả (Nội kiểm) chỉ có giá trị trên mẫu thử, và chỉ lưu hành trong nội bộ.

BAN GIÁM ĐỐC XN



NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM



Nguyễn Quốc Anh

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH

QT03/SX/BM3

Kiểm soát lần : 316

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bạc Liêu, ngày 05 tháng 12 năm 2018

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm: Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 02, Duy Tân , P5, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 05 tháng 12 năm 2018

Kiểm tra mẫu : ngày 05 tháng 12 năm 2018

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

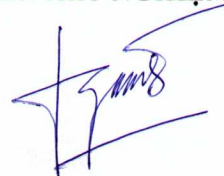
STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN QCVN 01:2009/BYT	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW - A	15 TCU	6 TCU
2	Mùi	SMEWW - A	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW - A	Không có vị lạ	Không vị lạ
4	pH	PH 100 Ph/mV-Meter	6.5 - 8.5	7.4
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW - A	≤ 300 mg/l	226 mg/l
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW - A	≤ 300 mg/l	88 mg/l
7	Chỉ số pecmanganat	SMEWW - A	≤ 2 mg/l	0.6 mg/l
8	Hàm lượng Mangan	HACH DR/900	≤ 0.3 mg/l	0.022 mg/l
9	Hàm lượng Nitrite	HACH DR/900	≤ 3 mg/l	0.097 mg/l
10	Hàm lượng Nitrate	HACH DR/900	≤ 50 mg/l	5.9 mg/l
11	Hàm lượng sulphat	HACH DR/900	≤ 250 mg/l	58 mg/l
12	Hàm lượng sắt tổng số	HACH DR/900	≤ 0.3 mg/l	0.09 mg/l
13	Độ đục	HACH 2100N	2 NTU	0.325 NTU
14	Clor dư	HACH DR/900	0.3 - 0.5 mg/l	0.3 mg/l

- Nhận xét : Các chỉ tiêu trên của mẫu có chỉ số đạt theo tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT.
- Ghi chú : Kết quả (Nội kiểm) chỉ có giá trị trên mẫu thử, và chỉ lưu hành trong nội bộ.

BAN GIÁM ĐỐC XN



NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM



Nguyễn Quốc Anh

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH

QT03/SX/BM3

Kiểm soát lần : 317

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bạc Liêu, ngày 10 tháng 12 năm 2018

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm: Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 02, Duy Tân , P5, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 10 tháng 12 năm 2018

Kiểm tra mẫu : ngày 10 tháng 12 năm 2018

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN QCVN 01:2009/BYT	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW- A	15 TCU	7 TCU
2	Mùi	SMEWW - A	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW - A	Không có vị lạ	Không vị lạ
4	pH	PH 100 Ph/mV-Meter	6.5 - 8.5	7.5
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW - A	≤ 300 mg/l	230 mg/l
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW - A	≤ 300 mg/l	84 mg/l
7	Chỉ số pecmanganat	SMEWW - A	≤ 2 mg/l	0.8 mg/l
8	Hàm lượng Mangan	HACH DR/900	≤ 0.3 mg/l	0.018 mg/l
9	Hàm lượng Nitrite	HACH DR/900	≤ 3 mg/l	0.087 mg/l
10	Hàm lượng Nitrate	HACH DR/900	≤ 50 mg/l	5.7 mg/l
11	Hàm lượng sulphat	HACH DR/900	≤ 250 mg/l	60 mg/l
12	Hàm lượng sắt tổng số	HACH DR/900	≤ 0.3 mg/l	0.07 mg/l
13	Độ đục	HACH 2100N	2 NTU	0.411 NTU
14	Clor dư	HACH DR/900	0.3 - 0.5 mg/l	0.32 mg/l

- Nhận xét : Các chỉ tiêu trên của mẫu có chỉ số đạt theo tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT.

- Ghi chú : Kết quả (Nội kiểm) chỉ có giá trị trên mẫu thử, và chỉ lưu hành trong nội bộ.

BAN GIÁM ĐỐC XN

NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM



Nguyễn Quốc Anh

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH

QT03/SX/BM3

Kiểm soát lần : 318

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bạc Liêu, ngày 20 tháng 12 năm 2018

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm : Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 02 , Duy Tân , P5, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 20 tháng 12 năm 2018

Kiểm tra mẫu : ngày 20 tháng 12 năm 2018

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN QCVN 01:2009/BYT	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW- A	15 TCU	7 TCU
2	Mùi	SMEWW - A	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW - A	Không có vị lạ	Không vị lạ
4	pH	PH 100 Ph/mV-Meter	6.5 - 8.5	7.6
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW - A	≤ 300 mg/l	228 mg/l
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW - A	≤ 300 mg/l	92 mg/l
7	Chỉ số pecmanganat	SMEWW - A	≤ 2 mg/l	0.8 mg/l
8	TDS	Hanna – HI9811-5	1000 mg/l	420 mg/l
9	Độ dẫn điện	Hanna – HI9811-5	1500 μ s	830 μ s

- Nhận xét : Các chỉ tiêu trên của mẫu có chỉ số đạt theo tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT.
- Ghi chú : Kết quả (Nội kiểm) chỉ có giá trị trên mẫu thử, và chỉ lưu hành trong nội bộ.

BAN GIÁM ĐỐC XN



NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM



Nguyễn Quốc Anh

C.TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH

QT03/SX/BM3

Kiểm soát lần : 319

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bạc Liêu, ngày 27 tháng 12 năm 2018

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Loại mẫu xét nghiệm: Nước đã xử lý

Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy nước số 02, Duy Tân , P5, TPBL

Nơi xét nghiệm : phòng xét nghiệm

Tình trạng kiểm nghiệm : mẫu đựng trong chai nhựa

Nhận mẫu : ngày 27 tháng 12 năm 2018

Kiểm tra mẫu : ngày 27 tháng 12 năm 2018

KẾT QUẢ TẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN QCVN 01:2009/BYT	KẾT QUẢ
1	Độ màu	SMEWW - A	15 TCU	8 TCU
2	Mùi	SMEWW - A	Không mùi vị	Không mùi vị
3	Vị	SMEWW - A	Không có vị lạ	Không vị lạ
4	pH	PH 100 Ph/mV-Meter	6.5 - 8.5	7.4
5	Độ cứng tổng cộng	SMEWW - A	≤ 300 mg/l	226 mg/l
6	Hàm Lượng clorua	SMEWW - A	≤ 300 mg/l	90 mg/l
7	Chỉ số pecmanganat	SMEWW - A	≤ 2 mg/l	0.6 mg/l
8	Hàm lượng Mangan	HACH DR/900	≤ 0.3 mg/l	0.019 mg/l
9	Hàm lượng Nitrite	HACH DR/900	≤ 3 mg/l	0.093 mg/l
10	Hàm lượng Nitrate	HACH DR/900	≤ 50 mg/l	5.9 mg/l
11	Hàm lượng sulphat	HACH DR/900	≤ 250 mg/l	66 mg/l
12	Hàm lượng sắt tổng số	HACH DR/900	≤ 0.3 mg/l	0.08 mg/l
13	Độ đục	HACH 2100N	2 NTU	0.351 NTU
14	Clor dư	HACH DR/900	0.3 - 0.5 mg/l	0.31 mg/l

- Nhận xét : Các chỉ tiêu trên của mẫu có chỉ số đạt theo tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT.
- Ghi chú : Kết quả (Nội kiểm) chỉ có giá trị trên mẫu thử, và chỉ lưu hành trong nội bộ.

BAN GIÁM ĐỐC XN

NHÂN VIÊN XÉT NGHIỆM



Nguyễn Quốc Anh